TRƯỜNG TIỂU HỌC .....

Họ và tên: .....

Lớp: 3 .....

Điểm	Lời phê của thầy cô

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I

Môn: Toán lớp 3 · Đề số 22

Năm học 2026-2027 · Thời gian làm bài: 40 phút

A. TRẮC NGHIỆM (4 điểm) *Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.*

Câu 1. *(0,5 điểm)* Số bé nhất trong các số 641, 614, 741, 642 là:

A. 642 **B.** 614 **C.** 641 **D.** 741

Câu 2. *(0,5 điểm)* Kết quả của phép nhân 5 × 8 là:

A. 13 **B.** 32 **C.** 45 **D.** 40

Câu 3. *(0,5 điểm)* Số thích hợp điền vào chỗ chấm: …… × 6 = 48

A. 42 **B.** 9 **C.** 8 **D.** 14

Câu 4. *(0,5 điểm)* Phép chia 66 : 7 có số dư là:

A. 3 **B.** 9 **C.** 7 **D.** 4

Câu 5. *(0,5 điểm)* Giảm 24 đi 6 lần được:

A. 18 **B.** 5 **C.** 4 **D.** 144

Câu 6. *(0,5 điểm)* Một phần hai (1/2) của 16 l là:

A. 10 l **B.** 8 l **C.** 14 l **D.** 32 l

Câu 7. *(0,5 điểm)* Số thích hợp điền vào chỗ chấm: 2 cm 4 mm = …… mm

A. 204 **B.** 24 **C.** 6 **D.** 42

Câu 8. *(0,5 điểm)* Dụng cụ nào dùng để kiểm tra góc vuông?

A. com-pa **B.** cân đĩa **C.** ê ke **D.** nhiệt kế

B. TỰ LUẬN (6 điểm)

Câu 9. *(1 điểm)* Đúng ghi Đ, sai ghi S:

a) 7 × 9 = 61	
b) 7 m = 700 cm	
c) Hình tròn bán kính 11 cm thì đường kính là 22 cm	
d) 29 + 5 × 3 = 44	

Câu 10. *(1 điểm)* Điền dấu >, <, = vào chỗ chấm:

a) 4 × 7 …… 30

b) 1 kg …… 1001 g

c) 7 m 2 cm …… 792 cm

d) 1/2 của 6 …… 1/6 của 18

Câu 11. *(1 điểm)* Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) 1/3 của 27 bạn là …… bạn

b) 1/6 của 36 m là …… m

c) 1/7 của 63 giờ là …… giờ

Câu 12. *(1 điểm)* Tính:

a) 396 g + 338 g = …… g

b) 629 ml − 327 ml = …… ml

c) 117 mm × 3 = …… mm

d) 423 kg : 9 = …… kg

Câu 13. *(1 điểm)* Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) Hình tròn có bán kính 5 cm thì đường kính là …… cm.

b) Hình tròn có đường kính 12 dm thì bán kính là …… dm.

c) M là trung điểm của đoạn thẳng AB dài 18 mm. Đoạn MB dài …… mm.

Câu 14. *(1 điểm)* Có 32 quyển vở chia đều cho 8 bạn. Yến được chia rồi lại được cô thưởng thêm 3 quyển. Hỏi Yến có tất cả bao nhiêu quyển vở?

a) Mỗi bạn được chia: …… quyển

b) Yến có tất cả: …… quyển

HẾT

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Đề kiểm tra cuối học kỳ I Toán lớp 3 · Đề số 22

A. Trắc nghiệm (mỗi câu đúng 0,5 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	B	D	C	A	C	B	B	C

B. Tự luận (mỗi câu 1 điểm)

Câu 9.

a) S; b) Đ; c) Đ; d) Đ

Câu 10.

a) 4 × 7 = 28 nên điền dấu «<»

b) 1 kg = 1000 g nên điền dấu «<»

c) 7 m 2 cm = 702 cm nên điền dấu «<»

d) 1/2 của 6 là 3; 1/6 của 18 là 3 nên điền dấu «=»

Câu 11.

a) 27 : 3 = 9 (bạn)

b) 36 : 6 = 6 (m)

c) 63 : 7 = 9 (giờ)

Câu 12.

a) 734 g

b) 302 ml

c) 351 mm

d) 47 kg

Câu 13.

a) 5 × 2 = 10 (cm)

b) 12 : 2 = 6 (dm)

c) 18 : 2 = 9 (mm)

Câu 14.

Mỗi bạn: 32 : 8 = 4 (quyển)

Yến có: 4 + 3 = 7 (quyển)